

# **QUẢNG BÌNH - KINH ĐÔ KHÁNG CHIẾN CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG GIAI ĐOẠN 1885-1888**

**CN. HOÀNG TRỌNG THỦY**  
Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình

Sau ngày kinh đô Huế thất thủ (5/7/1885), Tôn Thất Thuyết rước vua Hàm Nghi cùng tam cung, hoàng thân và quan lại trong triều đình thuộc phe chủ chiến rời khỏi kinh thành Huế, bắt đầu cuộc kháng chiến gian khổ để giành lại độc lập cho dân tộc.

Trên con đường Cần Vương gian khổ đó, vua tôi Hàm Nghi đã đi qua địa bàn Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và cả nước bạn Lào, nhưng nơi ghi lại dấu ấn đậm nét nhất là mảnh đất Quảng Bình. Với địa thế hiểm trở và nhân tình thuận lợi của vùng rừng núi phía Tây, Quảng Bình trở thành địa bàn xung yếu, và là “kinh đô kháng chiến” của phong trào Cần Vương từ sự khởi xướng của vua Hàm Nghi trong giai đoạn 1885-1888. Vậy tại sao vùng rừng núi phía Tây Quảng Bình lại được vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến chọn làm địa bàn đóng quân, làm kinh đô kháng chiến cho phong trào Cần Vương giai đoạn đầu? Phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình phát triển mạnh mẽ như thế nào và sự tác động của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình đến phong trào Cần Vương trong cả nước ra sao? Với tham luận này xin góp phần làm sáng tỏ những vấn đề trên.

## **1. Hành trình đến với “Kinh đô kháng chiến” của vua Hàm Nghi và phái chủ chiến**

Quảng Bình là một trong những địa bàn bị thực dân Pháp tấn công khá sớm. Ngay từ năm 1859, trong khi đưa quân tấn công vào Đà Nẵng để mở đường đánh chiếm kinh đô Huế, thực dân Pháp đã cho pháo hạm từ ngoài biển bắn vào Quảng Bình, gây cho nhân dân Quảng Bình nhiều tổn thất về tính mạng và tài sản [8; tr.18].

Ngay sau khi kinh đô Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết rước vua Hàm Nghi cùng tam cung và hoàng thân rời khỏi kinh thành Huế. Xuất phát từ kinh thành Huế, xa giá của vua Hàm Nghi men theo tả ngạn sông Hương, đi qua cầu Bạch Hổ, đi lên thẳng chùa Thiên Mụ, đến chiều ngày 6/7/1885 đoàn người đến thành Quảng Trị. Tại đây, phái chủ chiến đã có sự phân hóa: Tam cung đứng đầu là Từ Dũ Thái hậu và phần lớn quan lại không chịu được gian khổ đã quay trở về kinh đô Huế; vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết cùng các quan văn, võ tướng có khí phách và tinh thần chống Pháp tiếp tục đi và đến ngày 10/7/1885

thì tới Tân Sở (Quảng Trị).

Tân Sở là căn cứ mà Tôn Thất Thuyết đã chuẩn bị từ lâu. Ngay từ năm 1875, Tôn Thất Thuyết đã chuẩn bị căn cứ này và nó được xúc tiến mạnh mẽ hơn từ năm 1883. Căn cứ Tân Sở nằm trong thành Cam Lộ về hướng biên giới Việt - Lào, sau một cái đèo hiểm trở. Mặc dù Tân Sở được xây dựng làm căn cứ và được chuẩn bị trước để làm chỗ đứng chân của nghĩa quân. Tuy nhiên, Tân Sở chưa phải là một địa bàn thuận lợi để hoạt động, vì ở đây dân cư thưa thớt, đất đai khô cằn, không thể hậu thuẫn vững vàng cho nghĩa quân “Cần Vương” về người cũng như lương thực [11; tr.485]. Quan trọng hơn, Tân Sở sẽ như con đường cùng nếu địch chiếm được Cam Lộ. Về mặt quân sự, vị trí Tân Sở sẽ giống như một cái rọ không lối thoát mỗi khi bị bao vây [12; tr.610]. Còn sử gia Phạm Văn Sơn cho rằng: “...chính Tôn Thất Thuyết khi ra đây ông cũng thấy rằng, vùng Cam Lộ có nhiều điều bất lợi bởi không đông dân chúng và trù phú, việc tuyển mộ lính tráng sẽ khó khăn; ngoài ra nếu địch chiếm Cam Lộ, Tân Sở sẽ thành cái túi mà của đã đóng rồi, các lối ra biển, lên Lào, vào Nam, ra Bắc đều sẽ bất tiện. Việc tiếp ứng quân lương, vũ khí sẽ bế tắc và càng thêm nguy hiểm...” [dẫn theo 11; tr.485] lúc đó Pháp sẽ dễ dàng dồn và dễ tiêu diệt nghĩa quân. Tuy Tân Sở có ba vòng thành liên tiếp, dù có địa hình hiểm trở và đã có sự chuẩn bị trước, có đầy đủ kho trại, lương thực, vũ khí nhưng ở vào vị thế như vậy thì rõ ràng Tân Sở không phải là địa bàn có thể đóng quân tính kế lâu dài được, đây chỉ có thể là nơi dừng chân, dời đến một địa điểm khác là mới là thượng sách. Vì vậy, vua Hàm Nghi ở Tân Sở được khoảng 5 ngày, thì Tôn Thất Thuyết hạ lệnh bỏ Tân Sở (18/7/1885) và đưa vua Hàm Nghi tiến quân ra Bắc.

Sau khi rời căn cứ Tân Sở tiến ra Bắc, ý định của Tôn Thất Thuyết là đưa Hàm Nghi và nghĩa quân ra tỉnh Thanh Hóa và ông xem Thanh Hóa là sự lựa chọn tối ưu. Vì ở đây đất rộng, người đông, có đầy đủ điều kiện thuận lợi, có thể xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài, nghĩa quân sẽ được sự hậu thuẫn lớn từ nhân dân. Đây cũng là vùng mà lời hiệu triệu Cần Vương đã có tác dụng rất lớn, được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng và tích cực tham gia. Và cũng trước đó, Tôn Thất Thuyết đã phái Hoàng Kế Viêm (lúc này đang làm Bố chính tỉnh Thanh Hóa) dọn một con đường thượng đạo từ núi rừng Thanh Hóa ra vùng Hưng Hóa, tìm cách bắt liên lạc với đạo quân Thanh ở Vân Nam (Trung Quốc), đề phòng bất trắc, có thể đưa triều đình kháng chiến ra vùng Thanh - Nghệ [12; tr.610].

Sau khi hạ lệnh bỏ Tân Sở, đưa vua và triều đình kháng chiến ra Bắc, đến ngày 20/7/1885 đoàn xa giá của nhà vua đã đến Bảo Đại (thuộc xã Thụy Ba, vùng giáp ranh giữa Quảng Trị với Quảng Bình). Đến đây Tôn Thất Thuyết được tin quân Pháp bao vây cửa Nhật Lệ và đánh chiếm Đồng Hới

(19/7/1885). Tình thế lúc này khá khó khăn, tuyến đường di chuyển của lực lượng “Cần Vương” đã bị chặn đứng, không thể tiến quân theo kế hoạch được nữa. Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi quay ngược trở lại Tân Sở thì lúc này địch đã chiếm được thành Cam Lộ. Đoàn hộ giá vua Hàm Nghi vội vàng rời Tân Sở theo đường núi để ra Bắc, nghĩa quân ngược lên Mai Lĩnh, Lao Bảo theo đường Trường Sơn đến đồn Chấn Lào. Ngày 31/7/1885, vua Hàm Nghi rời Chấn Lào đến Bờ Cạn (một địa điểm nằm ở phía Bắc sông Cửu Long, cách Sơn phòng Hà Tĩnh khoảng 7 ngày đường). Con đường hành quân theo đường núi rất vất vả và chịu sự truy đuổi của giặc Pháp, tuy vậy trên đường đi nghĩa quân được sự giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân các vùng mà họ hành quân qua.

Đầu tháng 9/1885, sau nhiều ngày trèo đèo, lội suối trên đất bạn Lào, vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng vượt đèo Quy Hợp (đèo giáp ranh giữa Quảng Bình với Hà Tĩnh) đến được vùng Hàm Thao, gần Sơn phòng Hà Tĩnh. Tổng đốc Nghệ An kiêm chỉ huy Sơn phòng Hà Tĩnh là Nguyễn Chánh đem quân đến đón tiếp, đưa đoàn về trú ở làng Phú Gia (huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh). Phan Văn Mỹ nghe tin cũng đem 500 quân đến tiếp ứng và nhập vào đoàn của vua Hàm Nghi [dẫn theo 2; tr.378].

Tại Sơn phòng Hà Tĩnh, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết tiến hành củng cố nhân sự, tổ chức chiêu mộ nghĩa quân, bố trí đồn trại ở các chỗ hiểm yếu. Biết tin vua Hàm Nghi ở tại Ấu Sơn (huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh), ngày 17/10/1885 thiếu tướng Prud' Homme tổ chức lực lượng tiến đánh để vây bắt nhà vua nhằm dập tắt phong trào kháng chiến. Trước tình hình đó, vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng và nghĩa quân từ Sơn phòng ở Hà Tĩnh đã lui vào Bãi Đức, Quy Đạt thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Đoàn quân kháng chiến đi về phía xóm Đông Nguyên thuộc làng Cổ Liêm (tổng Kim Linh xưa, nay xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình) nhưng không tìm thấy địa thế thích hợp nên kéo đến xóm Lim ở làng Ba Nương (tổng Cơ Sa xưa, nay xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình). Tám ngày sau, quân Pháp từ Bãi Đức tiến đến Trành (thuộc làng Kiên Trinh, tổng Thanh Lạng) thì vua Hàm Nghi và nghĩa quân di chuyển và trú quân ở sách Cát Đặng (nay là thôn Đặng Hóa, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa) trong thung lũng Ma Rai thuộc tổng Kim Linh. Một ngày sau, toán quân gồm 35 lính Pháp do đại úy Hugo chỉ huy kéo đến Ba Nương, không thấy nghĩa quân đâu, giặc bèn bắt và tra khảo người dân địa phương để nắm tin tức, rồi đuổi theo vua Hàm Nghi đến núi Lập Cập (còn gọi là eo Lèn hay Hung Ái). Tại đây, quân nhà vua đã được bố trí và phục kích sẵn, nổ súng, đạn bắn vào toán quân Pháp, làm cho hơn một nửa đội quân Pháp bị thương vong, tên đại úy Hugo bị thương do trúng tên. Bị thất trận, Hugo buộc phải thu quân về Bãi Đức.

Vùng Ma Rai, nơi vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng và nghĩa quân trú

đóng là vùng đất rộng, lại lọt thỏm giữa một thung lũng hẹp bốn bên, núi rừng cao ngất, là một địa bàn hiểm yếu. Chiều dài của thung lũng theo hướng Đông Tây khoảng 10km, chiều rộng khoảng 1-2km. Muốn vào thung lũng này phải đi qua 2 cái đèo là đèo Ông Đàng (hay còn gọi là eo Cà Bời) nằm ở phía Đông (nếu đi theo con đường này vào thì đi qua xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa) và đèo Lập Cập nằm ở phía Bắc (nếu đi theo con đường này vào thì đi qua xã Hóa Tiến và xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa). Từ thung lũng này muốn rút lui có 2 đường: một là vượt qua núi Pun về phía Tây ra La Vãn đến Khe Ve; hai là vượt dãy Trường Sơn ở phía Nam theo ngã đèo Mụ Giạ (thuộc xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa) để qua Lào.

Sau trận thắng Lập Cập, do địa thế vùng Ma Rai đất rộng, rừng núi hoang vu, dân cư thưa thớt và lại quá nghèo, nếu giặc bao vây chặn mất đường eo Lập Cập thì khó liên lạc với bên ngoài để mở rộng địa bàn hoạt động và tập hợp lực lượng chống Pháp. Thêm nữa, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết nhận thấy địa bàn này đã bị quân Pháp phát hiện, có thể luôn luôn bị kích bất ngờ nên quyết định chọn địa điểm mới để xây dựng căn cứ phòng thủ vững chắc và ổn định hơn. Vì vậy, sau 3 tháng trú quân ở đây, đầu năm 1886 vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết quyết định rút khỏi thung lũng Ma Rai đi về phía Tây qua núi Pun, theo đường La Vãn về Tân Yên (nay thuộc xã Hóa Tiến, huyện Minh Hóa), sau đó chuyển lên Tà Bảo rồi Khe Ve (Tà Bảo, Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng xưa, nay xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa).

Vua Hàm Nghi và nghĩa quân lập căn cứ ở Khe Ve, cho quân đắp lũy cao 2 thước tạo thành đồn chiến đấu. Đây là căn cứ nằm bên bờ sông Nan - một nhánh quan trọng thuộc thượng nguồn sông Gianh. Trên địa bàn Khe Ve có rất nhiều hang động, nhờ đó vua Hàm Nghi và nghĩa quân gặp thuận lợi hơn trong việc đóng quân và cất giấu lương thực. Muốn đến vùng Khe Ve phải qua hai dãy núi đá Ma Rai và Lập Cập rất hiểm trở. Tại căn cứ Khe Ve vua Hàm Nghi cũng thường luân chuyển qua các địa điểm khác trong vùng trước sự tấn công của giặc Pháp, khi thì ở Ma Rai, khi thì về Thanh Cước, lúc lại sang Khe Ve và quanh quẩn mãi trong vùng rừng núi Quảng Bình đến khi vua Hàm Nghi bị giặc Pháp bắt ngày 1/11/1888.

Và trên chặng đường từ kinh thành Huế đến Quảng Bình, vua Hàm Nghi đã 2 lần xuống dụ Cần Vương để kêu gọi nhân dân chống Pháp. Lần thứ nhất là vào ngày 13/7/1885 ở Tân Sở, với nội dung kêu gọi sĩ phu cùng dân chúng khắp cả ba miền đứng lên chống Pháp để “chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, khôi phục lại bờ cõi” cho quốc gia [6;tr.94]. Lần thứ hai là vào ngày 20/9/1885, lúc vua Hàm Nghi đang ở Sơn phòng Hà Tĩnh, nội dung nhằm vạch trần âm mưu thống trị của người Pháp và vai trò tay sai của những kẻ bán nước ở triều đình Huế, và kêu gọi toàn dân tự giác đứng lên cùng với nhà vua đánh

Pháp, giành lại chủ quyền cho dân tộc.

Có thể thấy, trong giai đoạn đầu của phong trào Cần Vương từ năm 1885 đến năm 1888 căn cứ đóng quân của vua Hàm Nghi và nghĩa quân cơ động trên miền rừng núi của hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh, nhưng chủ yếu là ở địa bàn tỉnh Quảng Bình. Việc chọn vùng núi phía Tây tỉnh Quảng Bình làm nơi đứng chân là bởi nhiều lý do. Đây là vùng đất có vị thế hiểm yếu, núi non hiểm trở, với nhiều hang động, lèn đá, thung lũng... rất thuận lợi cho hoạt động quân sự của nghĩa quân. Từ đây ra Hà Tĩnh có thể đi bằng con đường đèo Tân Ấp (tức đèo Bãi Đức). Ngoài ra, trên địa bàn rừng núi hiểm trở này có một con đường thiên lý đi qua, được gọi là đường “thượng đạo”, con đường này vượt qua đèo Tân Ấp - là nơi bắt nguồn của những chi lưu sông Ngàn Sâu (chảy về Bến Thủy) và sông Gianh (chảy về Quảng Khê). Căn cứ của vua Hàm Nghi và nghĩa quân lại nằm trên thượng lưu của hai con sông này. Ở đây có nhiều khe suối và núi đồi phù hợp cho việc xây dựng căn cứ địa và có thể đánh Pháp theo lối du kích chiến mang lại hiệu quả cao. Thực dân Pháp đã từng thừa nhận: “địa thế này được chọn lấy một cách khéo léo, nó liên lạc giữa hai tỉnh, từ mấy thế kỷ nay được nổi danh là đất nhà quan, đất sĩ phu, còn hơn là tỉnh khác, hai tỉnh này sẵn sàng chống lại uy quyền của ta” [7; tr.574]. Ngoài ra, rừng núi phía Tây tỉnh Quảng Bình là vùng có địa thế chiến lược có một không hai trên suốt dải đất Bình Trị Thiên, một địa thế rất thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài. Thêm nữa, vùng đất đai ở hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa của tỉnh Quảng Bình vốn dĩ là địa bàn rừng nguyên sinh, xen lẫn trong hệ thống Karst là các thung lũng, sông suối, tài nguyên rừng vô cùng phong phú có thể đảm bảo vấn đề lương thực, thực phẩm cho hoạt động của nghĩa quân. Trái lại, đối với quân Pháp, đây lại là vùng hiểm trở, khó khăn cho việc chuyên quân, với lại Pháp không thông thạo địa hình nên rất khó cho việc hành quân đánh chiếm và thực hiện ý đồ chiến lược của chúng. Thêm vào đó, từ phía vùng Thanh Thủy trở lên thì lưu vực sông bị chia cắt ra làm nhiều khúc bởi những đồi núi lô nhô, xen lẫn vào đó là những thung lũng nhỏ hẹp. Trên những quả đồi này có nhiều vị trí thuận lợi cho việc bố trí những trạm gác quan sát được địch từ rất xa, từ đó nghĩa quân có thể chủ động trước sự vận động của địch.

Không chỉ có yếu tố địa hình mà nhân tố con người cũng là một nhân tố khiến cho vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và nghĩa quân lập căn cứ ở đây. Cốt cách con người Quảng Bình có nhiều nét đặc trưng nổi bật - đó là những con người nồng hậu, bộc trực, lạc quan, can trường và quả cảm hy sinh trong chiến đấu và nặng tình nghĩa trong đời thường. Quảng Bình cũng là quê hương của những danh sĩ nổi tiếng quyết tâm chống Pháp xâm lược như Thống tướng Lê Sĩ, Quân vụ đại thần Hoàng Kế Viêm...

Vì thế việc đưa cơ quan đầu não của phong trào Cần Vương vào vùng miền

núi phía Tây tỉnh Quảng Bình là một sự lựa chọn sáng suốt và khôn ngoan của những người lãnh đạo phong trào, đặc biệt là Tôn Thất Thuyết. Từ địa bàn này, nếu tiến có thể làm chủ một khu vực rộng lớn và đông dân, có thể liên lạc thuận lợi mà bí mật với các tỉnh phía Bắc, nơi có nhiều sĩ phu yêu nước và đông đảo nhân dân hưởng ứng phong trào Cần Vương mạnh mẽ. Nếu thoái có thể dựa vào một vùng núi non hiểm trở sát biên giới Việt - Lào, có thể bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài. Bên cạnh đó, lưu vực sông Gianh là một địa bàn rất thuận lợi để cơ động lực lượng.

Như vậy, từ sau khi xuất thân, trải qua một cuộc hành trình gian nan, vất vả và nguy hiểm, từ kinh thành Huế ra Sơn phòng Quảng Trị, rồi từ đó sang Lào, ra Hà Tĩnh, rồi quay về với Quảng Bình và chọn Quảng Bình làm chỗ đứng chân cho vua Hàm Nghi và nghĩa quân. Quảng Bình lúc đầu chưa phải là căn cứ mà Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi chuẩn bị cho cơ quan đầu não và nghĩa quân, nhưng trải qua hành trình gian nan, vất vả, với vị thế thuận lợi của mình, Quảng Bình trở thành căn cứ địa, thành kinh đô của vua Hàm Nghi và nghĩa quân. Với việc vua Hàm Nghi và cơ quan đầu não của phong trào đóng quân tại miền núi phía Tây Quảng Bình đã làm cho phong trào Cần Vương ở Quảng Bình phát triển mạnh mẽ, đưa Quảng Bình trở thành “Kinh đô kháng chiến” của phong trào Cần Vương giai đoạn 1885-1888.

## **2. Sự bùng nổ của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình giai đoạn 1885-1888**

Nhờ những điều kiện thuận lợi trên, Quảng Bình trở thành nơi vua Hàm Nghi xây dựng căn cứ và đứng chân lâu nhất. Và chính việc được vua tôi Hàm Nghi chọn làm nơi đóng quân đã tác động trở lại phong trào chống Pháp nơi đây, khiến Quảng Bình trở thành tâm điểm của phong trào Cần Vương thời kỳ đầu. Nhân dân Quảng Bình “kẻ có thể, người có tiền, mộ phu binh lính, đổi nhà làm trường diễu võ, mang cơ nghiệp ra giúp quân lương, bỏ cày cuốc cầm gươm súng” [11; tr.492]. Các cuộc khởi nghĩa nổ ra mạnh mẽ với những tên tuổi nổi tiếng như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượng, Lê Mô Khởi, Đoàn Đức Mậu, Hoàng (Văn) Phúc, ... đã làm nên những sắc màu nổi bật cho phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình.

\* Cuộc khởi nghĩa đầu tiên cần phải nhắc tới là khởi nghĩa của Nguyễn Phạm Tuân<sup>1</sup> ở vùng thượng lưu sông Gianh. Căn cứ kháng chiến của Nguyễn Phạm Tuân ở vùng Yên Lương - Cổ Liêm (nay xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa) thuộc thượng nguồn sông Gianh, nắm sát vị trí đóng quân của vua Hàm Nghi ở

---

<sup>1</sup>. Nguyễn Phạm Tuân sinh năm Nhâm Thân (1842) tự là Tử Trai, sau đổi là Dưỡng Tăng, hiệu là Minh Phong, ở làng Kiên Bình, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh (nay thuộc phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới) trong một gia đình Nho học, nhiều đời cha con thi đỗ đồng khoa, nhiều đời là công thần nhà Lê.

Khe Ve. Hưởng ứng dụ Cần Vương, Nguyễn Phạm Tuân đã đứng lên mộ dân khởi nghĩa. Ngọn cờ chống Pháp của Nguyễn Phạm Tuân vừa giương lên đã nhận được sự nhất tề hưởng ứng của nhân dân địa phương, khiến Tri huyện Bồ Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa phải khiếp sợ trước sức mạnh của nghĩa quân, tạo nên một phong trào chống Pháp rộng rãi trên đất Quảng Bình: “Thân hào các phủ, huyện Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Bồ Trạch thuộc hạt Quảng Bình khởi loạn, dựng hiệu cờ: “Cần Vương ứng nghĩa” (Thủ xưởng là nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân). Nhiều lần các phủ, huyện ấy trốn tránh hoặc bị bắt” [1; tr.201]. Từ đây, Nguyễn Phạm Tuân trở thành một trong những thủ lĩnh tiêu biểu của phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình. Với chí hướng và rất “tâm đắc, gắn bó cùng nhau trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân” [16; tr.276] với vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Phạm Tuân được vua Hàm Nghi tín nhiệm và trao cho ông chức Hồng Lô tự khanh sung Tán lý quân vụ, có sứ mạng tập hợp lực lượng địa phương, toàn dân chống Pháp dưới ngọn cờ Cần Vương.

Với tư cách là thủ lĩnh của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình, là phò tá đắc lực bên cạnh vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Phạm Tuân đã lập được nhiều chiến công nên được thăng chức Thượng tướng quân nắm quyền chỉ huy quân đội và nội chính của nghĩa quân. Từ đó Nguyễn Phạm Tuân đã cùng với Tôn Thất Đàm chiến đấu, bảo vệ căn cứ Khe Ve và vua Hàm Nghi. Tại trận Khe Ve ngày 17/1/1886, nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân đã bắn chết viên quan hai Cannus, viên quan ba Hugot cũng bị bắn trọng thương về đến Vinh (Nghệ An) thì chết.

Cũng tại Khe Ve, cuối tháng 1/1886, quân Pháp lại mở chiến dịch lớn dưới sự chỉ huy của đại tá Metzinger càn quét vào chỗ ở của nhà vua, nhằm bắt sống vua và đánh đòn chí mạng vào nghĩa quân. Từ Khe Ve quân Pháp tỏa đi các hướng chung quanh, nhưng cuộc hành binh không thu được kết quả, quân Pháp đã bị đánh trả khắp nơi. Cuối cùng, đại tá Metzinger phải bỏ dở cuộc hành quân rồi rút toàn bộ quân về Đồng Hới ngày 7/3/1886 [17; tr.396-397].

Tháng 4/1886, nhận thấy cần phải xây dựng một cơ sở cố định để có chỗ đứng chân lâu dài, thuận lợi cho việc điều hành cuộc kháng chiến, Nguyễn Phạm Tuân cùng với Tôn Thất Đàm thiết lập một văn phòng trung tâm thu nhận tin tức, tấu, sớ, biểu của các thủ lĩnh Cần Vương khắp nơi gửi về rồi chuyển cho vua Hàm Nghi phê duyệt và nhận chỉ thị trực tiếp từ nhà vua để truyền đạt lại. Ngoài ra, Nguyễn Phạm Tuân còn phối hợp với nghĩa quân của Lê Trực tiến hành kháng Pháp và thu được nhiều thắng lợi đáng kể. Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Phạm Tuân đã đánh dấu một bước phát triển cao của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình. Trong bối cảnh khó khăn của phong trào Cần Vương, Nguyễn Phạm Tuân cùng với một số nhân vật chủ chốt đã trở thành người kiến thiết quan trọng đối với công tác xây dựng, tổ chức và phát triển của

nghĩa quân trong thời gian hoạt động ở Quảng Bình. Khi bị vây bắt, dù thực dân Pháp tìm cách mua chuộc, thuyết phục ông đầu hàng nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết và sau đó ông uống thuốc độc tự vẫn vào ngày 10/4/1887.

Có thể nói, Nguyễn Phạm Tuân là một lãnh tụ nổi tiếng và có nhiều đóng góp trong phong trào Cần Vương. Điều đó không chỉ được nhân dân và triều đình kháng chiến Hàm Nghi biết đến mà ngay cả triều đình Đồng Khánh cũng đánh giá rất cao vai trò của Nguyễn Phạm Tuân đối với phong trào Cần Vương và tìm cách phủ dụ ông và nghĩa quân về với triều đình: “Tất cả đầu mục, bọn giặc biết dân thân đầu thú ở nơi hành tại, đều được miễn tội. Người nào nguyên có quan chức đều vẫn cho theo như cũ” [1; tr.270]. Khi phủ dụ không được thì treo thưởng chức tước và bổng lộc rất hậu cho ai bắt hoặc giết được Nguyễn Phạm Tuân. Sách Đại Nam thực lục ghi chép: “Người nào chém được đầu sỏ Hoàng Văn Phúc, Nguyễn Phạm Tuân thì hưởng quan hàm có thứ bậc (bắt sống thì bổ quan tam phẩm và thưởng 200 lạng bạc, chém được thì bổ quan tứ phẩm và thưởng 100 lạng bạc” [1; tr.270]. Qua cái nhìn của triều Nguyễn về vị trí của Nguyễn Phạm Tuân một lần nữa ta có thể thấy được vai trò của ông đối với phong trào Cần Vương ở Quảng Bình nói riêng và phong trào Cần Vương cả nước nói chung.

\* Trong khi đó ở vùng trung lưu sông Gianh, Lê Trực<sup>2</sup> tập hợp nghĩa quân, xây dựng lực lượng kháng chiến tại núi Chóp Chài thuộc làng Thanh Thủy, tổng Thuận Lễ, phủ Quảng Trạch (nay là xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa). Khi Lê Trực xây dựng căn cứ và mở rộng địa bàn hoạt động, nhân dân địa phương từ văn thân, sĩ phu, lính cũ triều đình, trai tráng các huyện Tuyên Hóa, Quảng Trạch tìm đến gia nhập lực lượng của ông rất đông. Quân số của nghĩa quân Lê Trực lúc thấp nhất cũng có trên 2.000 người [dẫn theo 2; tr.417].

Với lực lượng của mình nghĩa quân của ông còn liên kết với các cánh quân Cần Vương trong vùng như cánh quân của Nguyễn Phạm Tuân (ở Yên Lương - Cổ Liêm), quân của Lê Mô Khởi (ở Trại Nái, Cao Lao Hạ), cánh quân của Mai Lượng (ở Cao Mại), cánh quân của ông Tú Di Luân (Trần Văn Định) và Phạm Thế Lộc (ở đèo Ngang), phối hợp với quân Hoàng Phúc ở Lèn Bạc (Lệ Thủy), quân Đề Chít, Đề Ến ở Kim Sen (Quảng Ninh)... Cùng với Cao Chí Thượng - một tướng lĩnh dưới quyền chỉ huy của ông, Lê Trực đã lập thành hệ thống đồn trại, kho tàng trên Hoành Sơn với các địa danh còn vang tiếng đến ngày nay như: mái Hòn Bàu (xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa), Xai Thượng, Xai Hạ, Mái Lò Rèn (xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa), rú Trung Thuần (xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch)...

---

<sup>2</sup>. Lê Trực (còn gọi là Lê Văn Trực, hay Lê Vọng), sinh năm 1828, là Đề đốc hộ thành Hà Nội, vì theo Hoàng Kế Viêm, tham gia trận đánh Cầu Giấy (19/5/1883) mà bị cắt chức, lui về ẩn dật ở quê nhà.



Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã đánh nhiều trận, gây cho địch nhiều khó khăn, tổn thất, tiêu biểu là các trận Đồng Vại, trận Hương Phương, các trận bao vây đồn Minh Cầm, Quảng Khê, chợ Đồn, Ròn, Mỹ Hòa, Đan Xá... Đặc biệt, nghĩa quân của Lê Trực đã chủ động tấn công vào các nhà thờ - nơi Pháp thường dựa vào các cha cố để lập đồn lũy chống các phong trào kháng chiến của nghĩa quân, rồi sau đó bí mật rút quân trước khi viện binh của Pháp kéo đến. Với sự dũng cảm thiện chiến, nghĩa quân Lê Trực đã lập được nhiều chiến công và khiến Pháp phải nơm nớp lo sợ.

Trong nhiều trận đánh của nghĩa quân Lê Trực thì đáng chú ý nhất là những trận đánh ở quê hương ông Thanh Thủy. Ngày 17/1/1886, một binh đoàn lưu động Pháp cùng với lính khổ xanh do đại úy Canus và trung úy Preustater chỉ huy từ đồn Quảng Khê đánh lên Thanh Thủy nhằm đột kích căn cứ của Lê Trực. Nghĩa quân của Lê Trực đánh trả quyết liệt. Kết quả Canus cùng nhiều binh sĩ khác bị trúng đạn chết chìm trên sông, trung úy Preustater thấy vậy vội vàng thu quân về đồn Quảng Khê.

Tháng 7/1886, đại úy Mouteuax tập hợp lính các đồn Quảng Khê, chợ Đồn, Ròn gồm 200 tên có đại bác yểm trợ cùng với đội quân công giáo do giáo sĩ Tortuyaux dẫn đường dùng 20 thuyền và 2 ca nô đổ bộ lên Thanh Thủy tấn công căn cứ Lê Trực. Kết quả Tortuyaux bị thương nặng ở vai, Mouteuax phải lui quân về Quảng Khê. Đến tháng 11/1886, Mouteuax lại kéo quân lên Thanh Thủy để phục thù nhưng lại một lần nữa nhận lấy thất bại.

Với những chiến thắng của nghĩa quân đã làm cho uy danh và thanh thế của đội quân Lê Trực vang khắp miền Trung và cả nước, ngay chính quyền Pháp cũng hoang mang lo sợ và nhiều lần điều động các đội quân có trang bị vũ khí hiện đại đến can quét, tiêu diệt nhưng đều thất bại.

Sẽ còn thiếu sót nếu chúng ta không đề cập đến vai trò của Lê Trực trong triều đình Hàm Nghi chống Pháp trên đất Quảng Bình. Sau khi ông được Tôn Thất Thuyết cho phục nguyên hàm và giao cho quản lý 3 con voi của vua Hàm Nghi, ông đã cùng các tướng lĩnh khác như Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm, Trần Xuân Soạn phò tá Hàm Nghi trong những ngày đầu ở rừng núi Tuyên Hóa. Tuy không phải là nhân vật chủ chốt nhưng ông có một vai trò không nhỏ trong bộ máy Trung ương Cần Vương trên đất Quảng Bình lúc bấy giờ. Đội quân của ông được giao nhiệm vụ án ngữ huyện Quảng Trạch giữ mặt phía Đông và Đông Nam cho căn cứ vua Hàm Nghi ở Minh Hóa. Đặc biệt ông đã chỉ huy nhiều trận đánh bảo vệ “triều đình” và bảo vệ nhà vua vượt qua những ngày gian khổ cũng như các đợt vây bắt của giặc Pháp. Ông thực sự trở thành trụ cột thứ hai của triều đình Hàm Nghi lúc đó. Đặc biệt, sau khi Nguyễn Phạm Tuân hy sinh, phong trào kháng chiến gặp nhiều khó khăn, nhưng ông đã cùng Tôn Thất Đàm gây dựng lại lực lượng, tổ chức nghĩa quân đánh lui nhiều

đợt tấn công của kẻ thù vào “kinh đô”. Có thể nói, ông là người chỉ huy chính, là linh hồn của phong trào Cần Vương chống Pháp trên đất Quảng Bình từ đầu năm 1887.

\* Tại địa bàn huyện Bố Trạch, phong trào Cần Vương được danh tướng Lê Mô Khởi<sup>3</sup> lãnh đạo và khởi xướng. Hưởng ứng dụ Cần Vương và lời động viên của người bạn cùng chí hướng Lê Trực, Lê Mô Khởi tuyển mộ thanh niên, trai tráng trước hết là người làng Cao Lao Hạ, rồi đến các làng trong vùng sông Son, hạ lưu sông Gianh hợp thành đội nghĩa quân, lấy vùng Cao Lao Hạ làm nơi đóng căn cứ đầu tiên của nghĩa quân. Sau đó, cùng với sự phát triển của phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình, để tính chuyện lâu dài ông chọn Trái Nại để xây dựng căn cứ. Đây là một căn cứ kiên cố và vững chắc với lực lượng nghĩa quân lên tới hàng nghìn người. Trong đó, có nhiều nhân vật nổi tiếng tham gia với một bộ chỉ huy gồm đề đốc, lãnh binh, nhiều suất đội, võ sư, võ sĩ tài giỏi. Dựa vào địa thế hiểm trở, nghĩa quân đã tiến hành nhiều cuộc phục kích, tập kích, bao vây bí mật để tiêu hao sinh lực địch và khống chế cả vùng Hoàn Lão, Lý Hòa, Khe Nước, Quảng Khê lên đến vùng trung lưu sông Son. Không chỉ độc lập tác chiến, Lê Mô Khởi còn phối hợp với nghĩa quân Lê Trực, tổ chức nhiều trận đánh hợp đồng và đã đánh thắng nhiều trận, gây cho địch nhiều tổn thất.

\* Còn ở phía Tây Nam huyện Quảng Trạch, Đoàn Đức Mậu<sup>4</sup> đã tập hợp nhân dân làng Hòa Ninh (nay thuộc xã Quảng Hòa) và các vùng xung quanh như Vĩnh Lộc (nay thuộc xã Quảng Lộc), Minh Lệ (nay thuộc xã Quảng Minh), Vĩnh Phước, La Hà (nay thuộc xã Quảng Văn)... với gần 500 người tiến hành kháng chiến chống Pháp. Nghĩa quân của Đoàn Đức Mậu đã phối hợp với quân Hoàng Phúc, Đề Phú hoạt động mạnh khắp vùng Nam Quảng Bình và phía Bắc Quảng Trị đến Cửa Việt, gây cho Pháp nhiều khó khăn, khiến chúng không thể bình định nhanh chóng, phá tan âm mưu của quân Pháp đưa Đồng Khánh ra Quảng Bình chiêu hồi quân Cần Vương Hàm Nghi.

\* Trong khi đó ở địa bàn Lệ Thủy và Quảng Ninh mặc dù xa vùng hoạt động của triều đình vua Hàm Nghi nhưng các sĩ phu yêu nước vẫn tích cực hưởng ứng phong trào Cần Vương, lãnh đạo phong trào Cần Vương trên địa bàn này là Hoàng Phúc, Đề Chít, Đề Ớn. Hoàng Phúc là Vệ úy dưới triều Hàm

---

<sup>3</sup>. Lê Mô Khởi (còn có tên khác là Lê Tuấn, Lê Ngọc Thành) sinh năm 1836 ở làng Cao Lao Hạ, nay là xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch. Ông sinh ra trong một gia đình Nho học, ông từng giữ chức Thị độc sung sử quán biên tu, nguyên Hồng Lô tự thiếu khanh, Tá lý bộ Lại.

<sup>4</sup>. Đoàn Đức Mậu là người làng Hòa Minh (nay thuộc xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch), còn gọi là Đoàn Chí Tuấn, hiệu Bạch Xi (Răng trắng). Ông là người học giỏi, giao thiệp rộng với nhiều nhà khoa bảng và quan lại nhà nước đương thời.

Nghi và là một lãnh tụ Cần Vương chống Pháp ở Quảng Bình. Khi vua Hàm Nghi xuất bôn, ông được giao trách nhiệm giữ vùng Ngân Sơn (nay xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy) để liên kết các dân tộc ít người ở hai huyện miền Nam Quảng Bình (Lệ Thủy, Quảng Ninh) và các nơi dọc Trường Sơn làm hậu thuẫn cho nhà vua ở Tuyên Hóa. Hoàng Phúc đã chỉ huy thắng lợi trận đánh ở đồi Mỹ Lộc diệt gọn cả toán quân Pháp và khố xanh, bắt sống Võ Bá Liêm - trợ lý của người Pháp và triều đình Đồng Khánh. Nghĩa quân Hoàng Phúc đã hoạt động vào đến Quảng Trị, ra đến gần thị xã Đồng Hới, phạm vi ảnh hưởng rất rộng đã làm cho quân viễn chinh Pháp vô cùng khó nhọc trong công cuộc bình định [17; tr.352].

Những cuộc tập kích của nghĩa quân Hoàng Phúc đã gây cho địch nhiều tổn thất, “đường giao thông giữa Đồng Hới, Huế bị cắt đứt hàng tháng. Tháng 5/1886, 5 tên lính Pháp và một người trạm đi đến giữa chợ huyện và Hạ Cờ thì gặp 300 nghĩa quân và bị chém đầu ngay” [10; tr.230]. Bằng những hoạt động mạnh mẽ cả về việc xây dựng lực lượng và tổ chức đánh địch, nghĩa quân Hoàng Phúc thực sự là trung tâm của phong trào Cần Vương kháng Pháp ở địa bàn phía Nam Quảng Bình.

Đề Chít, Đề Ân là người xã nào, họ thật là gì chưa ai rõ một cách chính xác. Hai ông có chức vụ Đề đốc do vua Hàm Nghi phong cho và được giao nhiệm vụ chỉ huy quân Cần Vương chống Pháp ở đồn Kim Sen (nay là xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh), cùng phối hợp với tướng Hoàng Phúc đóng ở Lèn Bạc (huyện Lệ Thủy) án ngự miền Nam tỉnh Quảng Bình. Đề Chít, Đề Ân đã làm tròn nhiệm vụ đó. Căn cứ Kim Sen của nghĩa quân nằm ở vị trí có đủ yếu tố chiến đấu phòng ngự. Ngay cả khi vua Hàm Nghi bị bắt, căn cứ này vẫn không bị Pháp đưa quân đến. Tuy nhiên, khi không còn vua - linh hồn của cuộc kháng chiến chống quân Pháp nữa thì căn cứ Kim Sen cũng rút sâu vào rừng Trường Sơn. Đề Chít, Đề Ân mai danh ẩn tích.

\* Ở hữu ngạn sông Gianh là địa bàn khởi nghĩa của nghĩa quân Mai Lượng<sup>5</sup>, trải từ vùng thượng nguồn Rào Nan đến vùng rừng núi phía Tây huyện Bố Trạch, kéo dài từ Cao Mại (nay thuộc xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa) cho đến Troóc (nay thuộc xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch). Nghĩa quân của ông có trên 1.000 người được phiên chế theo tổ chức quân đội triều đình, với căn cứ chính ở Cao Mại, nghĩa quân Mai Lượng thường xuyên liên lạc với triều đình kháng chiến Hàm Nghi và có nhiệm vụ bảo vệ nơi ở của nhà vua từ sườn núi phía Nam.

Trong quá trình hoạt động, Mai Lượng chủ trương thường xuyên phối hợp

---

<sup>5</sup>. Mai Lượng sinh năm Mậu Tuất (1838) là người làng Thọ Linh (nay thuộc xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch), đỗ Cử nhân võ năm 27 tuổi (1865), từng làm quan đến chức Hiệp quản, nhưng đã từ chức sau năm 1883.

với các các thủ lĩnh nghĩa quân khác để việc chiến đấu có hiệu quả hơn, như phối hợp với Lê Trực, Đoàn Đức Mậu (tức Bạch Xì), ông Tham La Hà...

Hoạt động chống Pháp mạnh mẽ nhất của nghĩa quân Mai Lượng chủ yếu diễn ra từ 1886 đến 1888. Ở khu vực đồng bằng, nghĩa quân đã làm nên nhiều chiến thắng vang dội như Trung Thôn, Biểu Lệ, Hòa Ninh, Lâm Xuân, Diên Trường... Tại miền núi, tháng 6/1886 ông đánh tan toán quân tuần tiêu sông Gianh của Pháp và nhiều lần phục kích, bắt cóc liên lạc viên của giặc để bảo vệ an toàn nơi ở của vua Hàm Nghi [14; tr.33-34]. Giặc Pháp và các “đội tự vệ” đã nhiều lần cố thủ ở các nhà thờ để chống trả nghĩa quân. Chúng muốn nghĩa quân đánh vào những giáo dân để gây thù hằn, bóp méo ý nghĩa phong trào Cần Vương. Tuy nhiên, Lãnh binh Mai Lượng đã có cái nhìn xa, tư tưởng tiến bộ. Ông chú trọng vào việc “bình Tây” hơn là “sát tả”, ông không mắc mưu giặc kích động chia rẽ đồng bào lương giáo. Trong trận mạc, ông dạy cho quân sĩ luôn luôn bảo vệ tài sản của nhân dân, không giết bừa bãi, đôi xử nhân đạo với tù binh. Chính vì thế, nhân dân khắp vùng nô nức tòng quân, ủng hộ, giúp đỡ nghĩa quân Mai Lượng.

Những hoạt động của nghĩa quân Mai Lượng đã thu hút sự chú ý của thực dân Pháp và khích lệ tinh thần kháng chiến chống Pháp của nhân dân cả nước, khiến cục diện chiến trường Quảng Bình thay đổi có lợi cho triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Trước tình thế đó, thực dân Pháp quyết tâm tăng cường lực lượng tiêu diệt những người khởi nghĩa để nhanh chóng bình định được vùng đất Quảng Bình, bắt sống vua Hàm Nghi nhằm dập tắt luôn phong trào Cần Vương trong cả nước. Do vậy, từ đầu năm 1887, các cánh quân Pháp tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét vùng thượng lưu và trung lưu sông Gianh, liên tiếp tấn công căn cứ kháng chiến của các thủ lĩnh Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm, Lê Trực, Mai Lượng...

Sau khi Nguyễn Phạm Tuân và Lê Trực bị bắt, nhưng nghĩa quân của Mai Lượng không hề thoái chí, bi quan vẫn tiếp tục chiến đấu ngoan cường. Để thoát khỏi nguy cơ bị cô lập, Mai Lượng cho người tìm cách ra Hà Tĩnh bắt liên lạc với nghĩa quân Phan Đình Phùng. Tuy nhiên, ngày 12/5/1890 Mai Lượng qua đời tại căn cứ Cao Mại. Nghĩa quân dưới quyền của ông chỉ huy duy trì tổ chức thêm một thời gian ngắn nữa rồi cũng tạm ngưng cuộc chiến đấu.

Công cuộc Cần Vương của Mai Lượng tuy thất bại, nhưng khởi nghĩa của ông đã góp phần không nhỏ trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung. Cuộc khởi nghĩa của Mai Lượng chấm dứt cũng đồng nghĩa với sự kết thúc của phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình, và Quảng Bình với tư cách “Kinh đô kháng chiến” của phong trào Cần Vương giai đoạn 1885-1888 cũng chấm dứt tại đây, đưa phong trào Cần Vương phát triển qua một giai đoạn mới với sự phát triển rộng khắp trong cả nước.

Như vậy, từ khi bộ chỉ huy triều đình vua Hàm Nghi chuyển vào Quảng

Bình và chọn vùng rừng núi phía Tây Quảng Bình làm căn cứ đóng quân, các văn thân, sĩ phu và nhân dân Quảng Bình đã đứng lên hưởng ứng phong trào Cần Vương một cách tích cực. Chính những đội nghĩa quân đóng ở khắp các địa bàn trong tỉnh Quảng Bình đã kết thành một mạng lưới vây bọc quân Pháp và gây cho chúng nhiều tổn thất, đưa Quảng Bình trở thành “Kinh đô kháng chiến” của phong trào Cần Vương giai đoạn 1885-1888.

### **3. Một vài kết luận**

Sau khi xuất bôn, trải qua một cuộc hành trình gian nan, vất vả và nguy hiểm, từ kinh thành Huế ra Sơn phòng Quảng Trị, rồi từ đó sang Lào, ra Hà Tĩnh, rồi quay về với Quảng Bình và chọn Quảng Bình làm căn cứ địa, làm chỗ đứng chân cho vua Hàm Nghi và cơ quan đầu não của phong trào. Quảng Bình lúc đầu chưa phải là căn cứ mà Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi chuẩn bị cho cơ quan đầu não, nhưng trải qua hành trình gian nan, vất vả, với vị thế thuận lợi về tự nhiên và con người, Quảng Bình được Tôn Thất Thuyết và những người chỉ huy chọn làm căn cứ đóng quân, kinh đô kháng chiến của vua Hàm Nghi và nghĩa quân. Việc đưa cơ quan đầu não của phong trào Cần Vương vào vùng miền núi phía Tây tỉnh Quảng Bình có thể nói là một sự lựa chọn sáng suốt và khôn ngoan của những người lãnh đạo phong trào trong giai đoạn đầu.

Từ khi bộ chỉ huy triều đình vua Hàm Nghi chuyển vào Quảng Bình, các văn thân, sĩ phu và nhân dân Quảng Bình đã đứng lên hưởng ứng phong trào Cần Vương một cách sôi nổi, tích cực. Nhiều phong trào chống Pháp diễn ra dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lương, Lê Mô Khởi, Đoàn Đức Mậu, Hoàng Phúc... Phạm vi của phong trào không chỉ ở miền Tây Quảng Bình - nơi mà vua Hàm Nghi và phe chủ chiến chọn làm nơi đứng chân, mà hầu như diễn ra trên địa bàn toàn tỉnh; từ thượng nguồn sông Gianh (nơi đóng quân của nghĩa quân Nguyễn Phạm Tuân) đến trung lưu sông Gianh (nơi đóng quân của nghĩa quân Lê Trực), từ các huyện phía Bắc (Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa) đến các huyện phía Nam (Lê Thủy, Quảng Ninh), từ miền xuôi lên miền ngược. Địa bàn Cần Vương kháng Pháp ở Quảng Bình trong những năm đầu đã hình thành hai khu vực: khu vực phía Bắc gồm các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa và Quảng Trạch vừa có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ triều đình vua Hàm Nghi, vừa có nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng Cần Vương ở phía Bắc (đặc biệt là khởi nghĩa của Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh) để đánh địch gây cho chúng nhiều tổn thất, cô lập lực lượng của chúng ở bờ Bắc sông Gianh; địa bàn phía Nam gồm các huyện Lê Thủy, Quảng Ninh dựa vào rừng núi hiểm trở xây dựng căn cứ và mở rộng vùng ảnh hưởng xuống đồng bằng, lực lượng tại đây đã đánh thọc sâu vào cơ quan đầu não của Pháp ở tỉnh lỵ Đông Hới và huyện lỵ Lê Thủy, phối hợp với nhân dân Quảng Trị mở rộng vùng hoạt động ra địa bàn dọc đường thiên lý, cô lập chúng với triều đình Huế.

Phong trào Cần Vương phát triển qua 2 giai đoạn: giai đoạn 1 từ năm 1885

đến năm 1888 khi còn có sự hiện diện của vua Hàm Nghi và giai đoạn 2 từ năm 1888 (sau khi vua Hàm Nghi bị bắt ngày 1/11/1888) đến năm 1896. Có thể khẳng định rằng phong trào Cần Vương ở Quảng Bình phát triển mạnh mẽ nhất trong giai đoạn đầu. Mặc dù giai đoạn này trên cả nước có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra dưới ngọn cờ Cần Vương như ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Hưng Yên, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế... Tuy ở các địa phương trên có những cuộc khởi nghĩa có tiếng vang lớn và kéo dài nhưng không ở đâu cường độ các cuộc khởi nghĩa lại mạnh mẽ và sôi nổi như ở Quảng Bình.

Trong giai đoạn đầu của phong trào Cần Vương, núi rừng miền Tây Quảng Bình đã trở thành trung tâm của phong trào chống Pháp trong cả nước. Ở đây, các sĩ phu, quan lại và nhân dân yêu nước đã đoàn kết, gắn bó chung quanh vua Hàm Nghi, tổ chức xây dựng căn cứ kháng chiến, duy trì và bảo vệ ngọn cờ Hàm Nghi. Với tinh thần ngày một mạnh mẽ như vậy, nghĩa quân đã đánh bại Pháp ngay trong cả những trận đầu tiên. Đây không phải là sự thất bại của một đội quân có tổ chức mà là sự thức dậy đầy phần nộ của cả một dân tộc trước một đất nước bị xâm lược và trước sự bất lực của triều đình Huế. Chính vì thế, phong trào Cần Vương không phải là “một cuộc nổi dậy tự phát của quần chúng, mà là sự quật khởi có ý thức của một dân tộc rất Á Đông khi họ lấy núi rừng làm điểm tựa” [dẫn theo 3; tr.455]. Đến khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào không vì thế mà lụi tàn hẳn, trái lại vẫn tiếp diễn, tuy không mạnh mẽ như ban đầu.

So với các địa phương khác, Quảng Bình được chọn làm mảnh đất đứng chân của triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Do vậy, Quảng Bình không chỉ đơn thuần lo việc chống Pháp mà còn gánh thêm nhiệm vụ bảo vệ biểu tượng của nền độc lập, bảo đảm cho sự an toàn của vua Hàm Nghi, khiến phong trào nơi đây mang một sắc thái khác so với những địa phương trên toàn quốc. Ở đây, mật độ các cuộc khởi nghĩa dày đặc hơn, quân Pháp lại tổ chức càn quét nhiều hơn hết bất cứ vùng nào. Nhưng nhân dân Quảng Bình vẫn tiếp tục ủng hộ lương thực, thực phẩm nuôi quân, động viên chồng, con, cha, anh tham gia trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu và chính họ là những người phải gánh chịu mọi đau thương, tổn thất trước sự đàn áp tàn khốc của lực lượng quân Pháp và Nam triều nhằm dập tắt phong trào đấu tranh quyết liệt ở tất cả các làng xã từ vùng biển đến vùng núi. Do vậy, không chỉ nhân dân miền xuôi mà đồng bào các dân tộc ở miền Tây Quảng Bình đều có đóng góp tích cực cho sự tồn tại của triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Không bất kỳ nơi nào, các cuộc khởi nghĩa ủng hộ vua Hàm Nghi và triều đình Hàm Nghi chống Pháp lại nổ ra sôi nổi và rầm rộ như ở Quảng Bình.

Sự tồn tại của triều đình Hàm Nghi ở Quảng Bình giai đoạn 1885-1888 là nguồn động viên tinh thần to lớn cho cuộc chiến đấu chống Pháp của nhân dân Quảng Bình nói riêng và nhân dân cả nước nói chung dưới ngọn cờ Cần

Vương. Sử gia Đặng Huy Vận nhận định: "...So với các tỉnh khác, cuộc kháng chiến ở Quảng Bình do điều kiện lịch sử và địa lý đặc biệt đã có những màu sắc riêng. Cuộc kháng chiến ở đây quy tụ xung quanh cái gọi là "triều đình Hàm Nghi" nhưng tính chất nhân dân không hề mờ nhạt". Nhân dân Quảng Bình gánh vác sứ mệnh quan trọng là địa bàn đầu não, nơi đặt bộ chỉ huy của phong trào Cần Vương.

Có thể thấy rằng, trên dải đất Quảng Bình, không nơi nào là không in dấu ấn của nhân dân trong phong trào Cần Vương. Mặc dù kinh đô kháng chiến chỉ được xây dựng ở vùng rừng núi miền Tây Quảng Bình, nhưng phong trào ủng hộ Hàm Nghi và triều đình kháng chiến Hàm Nghi chống Pháp bùng nổ mạnh mẽ trên khắp địa bàn tỉnh Quảng Bình, và từ Quảng Bình phong trào Cần Vương phát triển rộng khắp cả nước. Các cuộc khởi nghĩa đã nêu trên chính là những minh chứng rõ nét nhất. Chính lòng quả cảm, sự hy sinh và lòng yêu nước thiết tha của nhân dân Quảng Bình đã tác động sâu sắc tới nhận thức và tư tưởng của vua Hàm Nghi, thúc đẩy nhà vua quyết tâm duy trì cuộc kháng chiến chống Pháp đến cùng. Vì thế, cho dù sau này khi đã rơi vào tay Pháp, nhà vua vẫn không buông xuôi, không chịu đầu hàng kẻ thù và chấp nhận cuộc sống lưu đày. Trong khoảng thời gian 4 năm 3 tháng trị vì trên ngai vàng (8/1884 - 11/1888), vua Hàm Nghi đã có tới 3 năm gắn bó với vùng rừng núi Quảng Bình (10/1885 - 10/1888) để lãnh đạo triều đình kháng chiến đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Chính sự hưởng ứng sôi nổi, đấu tranh quyết liệt của nhân dân Quảng Bình đã làm cho phong trào Cần Vương ở đây phát triển mạnh mẽ và gặt hái được nhiều thành quả to lớn, khiến thực dân Pháp phải lo sợ và gây cho chúng nhiều thiệt hại. Trong giai đoạn đầu của phong trào Cần Vương, ở Quảng Bình có rất nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra và lôi cuốn mọi thành phần nhân dân trong tỉnh tham gia. Phong trào đã diễn ra trên một địa bàn rộng lớn và có sự phối hợp chiến đấu. Chính vì thế, tính chất nhân dân trong cuộc kháng chiến ở Quảng Bình thể hiện rất đậm nét. Mặc dù cuối cùng, vua Hàm Nghi bị bắt, các cuộc khởi nghĩa đều bị đàn áp nhưng ảnh hưởng và tiếng vang của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình là vô cùng lớn. Những đóng góp của nhân dân Quảng Bình đã góp phần khiến nơi này trở thành trung tâm Cần Vương để nhân dân cả nước gửi gắm niềm tin và tiếp tục phát triển cuộc kháng chiến cứu nước giải phóng dân tộc. Tuy phong trào ở đây tồn tại trong khoảng thời gian không dài như các tỉnh khác (1885-1888) nhưng lại có ý nghĩa và tác động lớn lao đối với phong trào Cần Vương cả nước.

Phong trào kháng chiến chống Pháp ở Quảng Bình dưới danh nghĩa Cần Vương khởi đầu từ năm 1885 cho đến khi vua Hàm Nghi bị bắt năm 1888 thì bắt đầu rơi vào thoái trào. Việc đứng chân lâu dài của triều đình chống Pháp do vua Hàm Nghi đứng đầu ở vùng núi phía Tây tỉnh Quảng Bình suốt 3 năm (10/1885 - 10/1888) có sự đóng góp xương máu của biết bao sĩ phu, quan lại và

nhân dân Quảng Bình. Nhiều thủ lĩnh nghĩa quân ở Quảng Bình đã không quản ngại tính mạng, gian khổ để xả thân giúp vua, cứu nước, bảo vệ triều đình Hàm Nghi. Điều đó dẫn đến sự phát triển rầm rộ, sôi nổi của phong trào Cần Vương, ủng hộ vua Hàm Nghi và triều đình kháng Pháp trên đất Quảng Bình, đưa Quảng Bình thành “Kinh đô kháng chiến” của phong trào Cần Vương giai đoạn 1885-1888.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 9, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
2. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - UBND tỉnh Quảng Bình - Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Danh nhân Quảng Bình, Quảng Bình*, 7/2012.
3. UBND tỉnh Quảng Bình - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Báo cáo khoa học Hội thảo Quốc gia về Quảng Bình 410 năm hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2014.
4. Phan Trần Chúc, *Vua Hàm Nghi*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 1995.
5. Lê Trọng Đại, *Phong trào Cần Vương Quảng Bình những nét riêng và chung (từ 1885-1896)*, Khóa luận Tốt nghiệp Cử nhân Sư phạm Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế, Khóa 1993-1997.
6. Nguyễn Thị Đảm, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại (1858-1918)*, Đại học Sư phạm Huế, 2003.
7. Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng - Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
8. Đinh Xuân Lâm (cb), *Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)*, tái bản lần thứ 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2005.
9. Nguyễn Thị Ánh Minh, *Phong trào Cần Vương ở Quảng Bình*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, 2007.
10. Lương Duy Tâm, *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình*, Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình xuất bản, Quảng Bình, 1998.
11. Nguyễn Khắc Thái, *Lược sử Quảng Bình từ Tiền sử đến cuối thế kỷ XX*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh, Quảng Bình, 2014.
12. Vũ Huy Thức, Phạm Quang Trung, Nguyễn Ngọc Cơ, *Lịch sử Việt Nam từ 1858-1898*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
13. Nguyễn Quang Trung Tiến, *Tìm hiểu hệ thống di tích các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở khu vực Bình Trị Thiên cuối thế kỷ XIX*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Khoa học Huế, 2005.
14. Nguyễn Quang Trung Tiến, *Vua Hàm Nghi với phong trào Cần Vương ở Bình Trị Thiên (1885-1888)*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Đại học Khoa học Huế, 2000.
15. Nguyễn Tú, Vĩnh Nghiêm, *Danh nhân Quảng Bình (tập 2)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
16. Nguyễn Tú, *Quảng Bình non nước và lịch sử*, Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh Quảng Bình, 1998.
17. Nguyễn Tú, *Quảng Bình nhân vật chí*, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình, 2002.
18. Đặng Huy Vận, *Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 106 (1/1968).